

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 7 - 2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Tú

Ông Hoàng Minh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2026/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2026; về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2026/QĐST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 002192004012, cấp ngày: 25/6/2021; nơi cấp: Cục C - Bộ C1; địa chỉ cư trú: Thôn H, xã H, tỉnh Tuyên Quang; "có mặt".

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1989; số định danh cá nhân: 002089011701; địa chỉ cư trú: Thôn V, xã T, tỉnh Tuyên Quang; "vắng mặt lần 2, không có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2026 và tại phiên tòa chị Đặng Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L1, tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 16/3/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được khoảng 11 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng chị

đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2022 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa; chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy chị làm đơn này đề nghị Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn L1 theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là cháu Nguyễn Bảo L2, sinh ngày 09/4/2011, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Đặng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 vắng mặt, anh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh L1, anh L1 đã biết việc chị L yêu cầu ly hôn anh L1 nhưng anh Nguyễn Văn L1 nhiều lần vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại các Biên bản xác minh ngày 04/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang với Trưởng thôn Vén, xã T và Công chức Tư pháp - Hộ tịch xã T, tỉnh Tuyên Quang nơi chị L và anh Lâm sinh S trước đó phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Anh Nguyễn Văn L1 và chị Đặng Thị L, tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (*nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang*) vào ngày 16/3/2011. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc với nhau được khoảng 11 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã H từ tháng 11 năm 2022 và vợ chồng anh chị đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Bảo L2, sinh ngày 09/4/2011, trên thực tế chị L và anh L1 đều là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định; tuy nhiên cả anh L1 và chị L đều đi làm thuê nên cũng có thu nhập; bên cạnh đó cháu L2 đã trên bảy tuổi trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh L1 thì quan điểm của chính quyền thôn V và xã T là đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của cháu L2 và giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và công nợ chung, do chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chúng tôi không cung cấp thông tin gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đặng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L1; về việc nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Bảo L2, sinh ngày 09/4/2011 cho chị Đặng Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi, anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề cập xem xét; Về án phí: nguyên đơn là chị Đặng Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do chị Đặng Thị L có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân khu vực có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội. Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 có nơi cư trú tại thôn V, xã T, tỉnh Tuyên Quang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Tuyên Quang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã phối hợp với Công an xã T, tỉnh Tuyên Quang giao văn bản tố tụng cho anh L1 nhưng anh L1 vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị Đặng Thị L yêu cầu ly hôn. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh L1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn L1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn L1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2011 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang (*nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang*) nên hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hợp pháp.

[4] Xét về tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc với nhau được khoảng 11 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình; việc mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả; do mâu thuẫn vợ chồng nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn H, xã H từ tháng 11 năm 2022 và vợ chồng anh chị đã sống ly thân kể từ đó cho đến nay, mỗi người

sống một nơi không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh L1 nhưng anh L1 vẫn vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị L. Chị L xác định không còn tình cảm với anh L1, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị L kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị L không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L1 thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau và đã sống ly thân trong thời gian dài. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị L.

[5] Về việc nuôi con chung: Quá trình chung sống, anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Bảo L2, sinh ngày 09/4/2011, khi ly hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị L đang nuôi cháu L2, anh chị đều là lao động tự do, ngoài ra quá trình giải quyết Tòa án cũng đã lấy lời khai của cháu L2, cháu L2 có nguyện vọng được ở với chị L. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu, đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, học tập của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu L2 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh L1 được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh L1 thực hiện quyền này.

[6] Về chia tài sản chung, công nợ chung: Chị Đặng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị L. Chị Đặng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

2. Về việc nuôi con chung: Chị Đặng Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Bảo L2, sinh ngày 09/4/2011 cho đến khi cháu L2 đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung anh L1, chị L có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào toàn bộ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo biên lai thu số: 0000984, ngày 14/5/2026.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
 - VKSND tỉnh Tuyên Quang;
 - THADS tỉnh Tuyên Quang;
 - VKSND khu vực 5 - Tuyên Quang;
 - Phòng THADS khu vực 5 - Tuyên Quang;
 - UBND xã Hùng An, tỉnh Tuyên Quang
- (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh